

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
đã được kiểm toán*



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 15
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	16
Báo cáo kiểm toán độc lập	17 - 18
Báo cáo thu nhập	19
Báo cáo tình hình tài chính	20 - 21
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ	22
Báo cáo danh mục đầu tư	23
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	24 - 25
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	26 - 55

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập ngày 6 tháng 9 năm 2017 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ số 32/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 7 tháng 7 năm 2017. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 27/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 6 tháng 9 năm 2017, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 66.000.000.000 đồng, tương đương với 6.600.000 Chứng chỉ quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 43.343.091.300 đồng, tương đương với 4.334.309,13 Chứng chỉ quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/thôi giữ chức vụ/miễn nhiệm
Ông Đào Kiên Trung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2020
Ông Nguyễn Việt Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2022

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam được quản lý bởi Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 50/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010 và theo Giấy phép điều chỉnh số 76/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 27 tháng 11 năm 2020, Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 102/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 09 tháng 11 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Khổng Phan Đức	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2022
Bà Phan Hải Sâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Lan	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2023
Bà Hoàng Thị Dung	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2019

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Thông tin chung (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 05/10/2022 đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Duy Hải – Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty.

BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ

Ban Điều hành Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</i>
Bà Phan Hải Sâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Lan	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2023
Bà Ngô Thị Lan Hương	Trưởng phòng Quản lý Quỹ	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 05 năm 2021

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát của Quỹ trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính này là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt là công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Quỹ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ (sau đây được gọi tắt là “Ban Tổng Giám đốc”) chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024
TM. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ
Phó Tổng Giám đốc



Bà Phan Hải Sâm

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1.1 Mục tiêu

Quỹ hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến hết năm báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ của Quỹ là 6,61% so với giá trị cuối năm trước báo cáo.

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư nhằm mang lại lợi nhuận dài hạn và sự ổn định bằng cách đầu tư ưu tiên chủ yếu vào các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt. Quỹ đầu tư chủ yếu vào trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết hoặc trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi, chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ, Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.

Các loại tài sản được phép đầu tư

Tài sản được lựa chọn để đầu tư bao gồm:

- ▶ Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- ▶ Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- ▶ Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- ▶ Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- ▶ Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;
- ▶ Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

Việc đầu tư vào các tài sản là “Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành” phải đáp ứng các điều kiện sau:

- ▶ Có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch;

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

- ▶ Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- ▶ Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

1.4 Phân loại Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam là quỹ đại chúng dạng mở, có nghĩa vụ mua lại Chứng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng theo yêu cầu của nhà đầu tư.

1.5 Mức độ rủi ro ngắn hạn

Chiến lược đầu tư của Quỹ tập trung đầu tư vào thị trường các công cụ nợ có mức độ rủi ro thấp. Bên cạnh đó, rủi ro của danh mục đầu tư sẽ được giảm thiểu bằng việc đầu tư nhiều công cụ nợ khác nhau phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ.

1.6 Thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ số 27/GCN-UBCK vào ngày 6 tháng 9 năm 2017.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam là quỹ đại chúng dạng mở được Công ty Quản lý Quỹ quản lý trong suốt thời hạn hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Thời gian hoạt động của Quỹ là không xác định.

1.7 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 43.343.091.300 đồng, tương đương với 4.334.309,13. Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 58.148.939.199 đồng.

1.8 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận. Công ty Quản lý quỹ khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư. Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- ▶ Quỹ không còn đủ khả năng tài chính để thực hiện các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của mình theo quy định của Pháp luật; hoặc
- ▶ Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu do Pháp luật quy định.

1.9 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ

Trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG****2.1 Cơ cấu tài sản Quỹ**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trái phiếu niêm yết	17,10%	34,61%
Trái phiếu chưa niêm yết	8,56%	0,00%
Chứng chỉ tiền gửi	65,42%	54,46%
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	0,86%	7,52%
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	4,28%	0,00%
Các tài sản khác	3,78%	3,41%
	100,00%	100,00%

2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	<i>Năm 2023</i>	<i>Năm 2022</i>
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	58.148.939.199	54.475.699.510
Tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	4.334.309,13	4.329.017,16
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ)	13.415,96	12.583,84
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	13.415,96	12.583,84
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	12.588,34	11.942,83
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ		
▶ Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng
▶ Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	Không áp dụng	Không áp dụng
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ		-
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ		-

	<i>Năm 2023</i>
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	1,66%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	35,48%

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

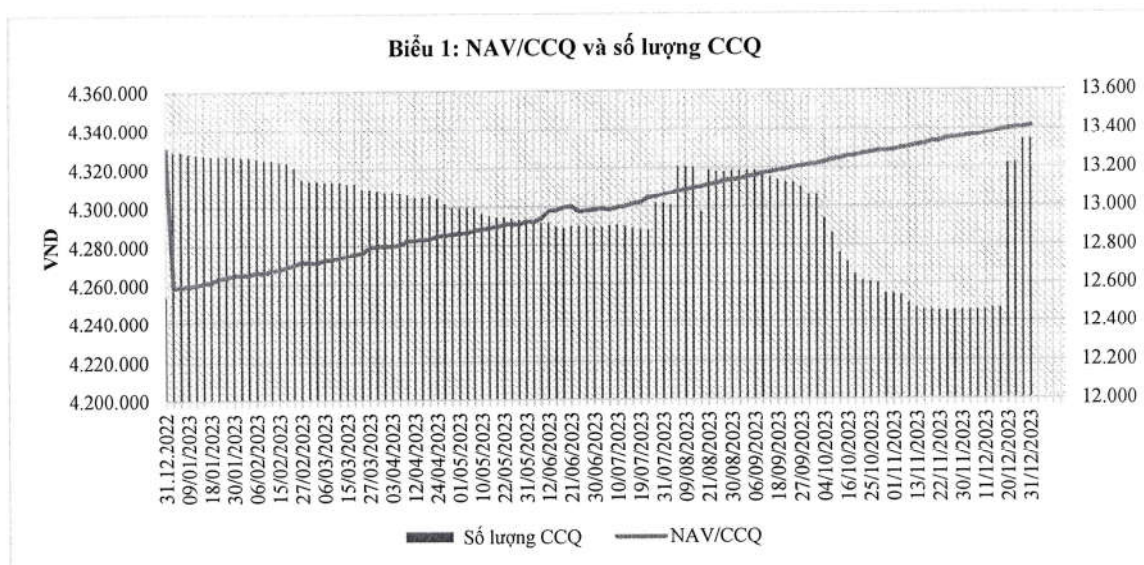
Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ**

<u>Giai đoạn</u>	<u>Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ</u>
Từ khi thành lập đến thời điểm lập báo cáo	34,16%

2.4 Tăng trưởng hàng năm

<u>Thời kỳ</u>	<u>Năm 2023</u>
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	6,61%

2.5 Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023
1	Cổ tức, trái tức được nhận	1.488.712.401
2	Lãi được nhận	3.192.226.103
3	Lãi thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	(157.442.338)
4	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ	(16.434.590)
TỔNG		4.507.061.576

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong năm báo cáo: quỹ không phân phối lợi nhuận trong năm 2023.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTMM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ, tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	1,00%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	0,08%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	0,27%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	0,07%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	0,24%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động	1,66%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong năm	35,48%

2.6 Chỉ tiêu về lợi nhuận của Quỹ

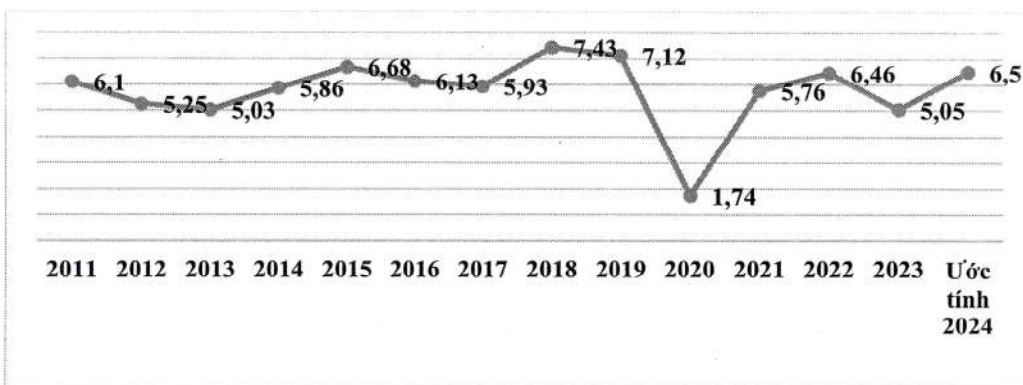
Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện	3.593.135.320	2.430.807.500
(Lỗ)/Lợi nhuận chưa thực hiện	(16.434.590)	2.977.544
Lợi nhuận chưa phân phối	3.576.700.730	2.433.785.044

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM**Tình hình kinh tế vĩ mô trong năm 2023**

Trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, kinh tế xã hội nước ta trong năm 2023 đã đạt được kết quả tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định và các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo, lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp. Tình hình kinh tế - xã hội nước ta trong cả năm 2023 như sau:

- (1) Trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, thách thức, phức tạp và bất thường, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục được duy trì với mức tăng trưởng kinh tế ước tính tăng 5,05% so với năm trước (Quý I tăng 3,41%; quý II tăng 4,25%; quý III tăng 5,47%; quý IV tăng 6,72%). Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%.

Tốc độ tăng GDP năm 2023 so với cùng kỳ năm trước các năm trong giai đoạn 2011-2024 (%)



QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

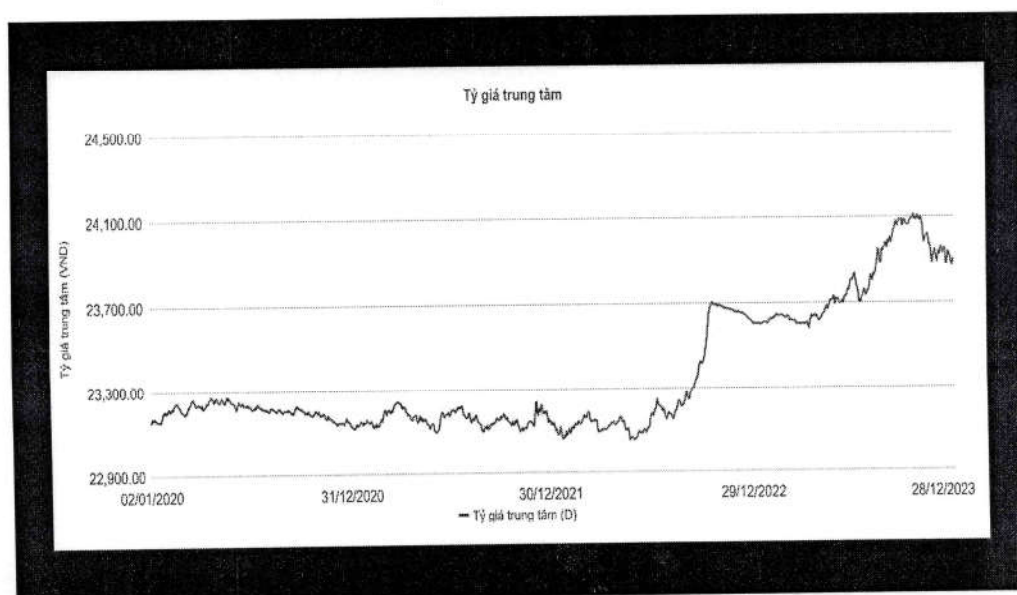
Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

- (2) Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2023 tăng 3,25% so với năm 2022. Chỉ số lạm phát cơ bản bình quân năm 2023 tăng 4,16% so với năm 2022, cao hơn mức tăng CPI bình quân chung (tăng 3,25%). Xu hướng lạm phát giảm do xu hướng hạ nhiệt của giá một số mặt hàng hóa – dịch vụ thế giới, cũng như sự chủ động ứng phó đảm bảo nguồn cung các mặt hàng thiết yếu, các giải pháp bình ổn giá do Nhà nước quản lý hạn chế những tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế – xã hội và qua đó giúp kiềm chế lạm phát của năm 2023.
- (3) Xuất – Nhập khẩu nhìn chung có sự sụt giảm và chịu ảnh hưởng tiêu cực hơn, cụ thể tính cả năm 2023, tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu hàng hóa ước đạt 683 tỷ USD, giảm 6,6% so với năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 4,4%; nhập khẩu giảm 8,9%. Nguyên nhân xuất nhập khẩu giảm là do nền kinh tế của Việt Nam đang phải đối mặt với ảnh hưởng của lạm phát trong năm 2023, tác động tới các doanh nghiệp sản xuất phục vụ mặt hàng xuất khẩu; tình hình suy thoái kinh tế ở nhiều quốc gia trên thế giới chịu tác động mạnh mẽ từ các xung đột địa chính trị, lạm phát toàn cầu tăng cao dẫn đến xu hướng tiêu dùng toàn cầu suy giảm tác động tiêu cực đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam.
- (4) Về tỷ giá từ đầu năm 2023 đến nay, tỷ giá diễn biến linh hoạt theo cả 2 chiều, phù hợp với điều kiện thị trường và nền tảng kinh tế vĩ mô. Vị thế đồng USD suy yếu làm giảm sức ép lên tỷ giá USD/VND, tạo cơ hội cho Ngân hàng Nhà nước (NHNN) nới lỏng chính sách tiền tệ để hỗ trợ nền kinh tế. Theo đó, diễn biến tỷ giá trung tâm của VND so với USD trong nửa đầu năm 2023 tương đối ổn định khi chỉ nhích tăng 0.38% so với đầu năm và tăng 0.27% so với mức đỉnh lập được hồi giữa tháng 10/2022, đạt 23,701 đồng/USD (tính đến ngày 17/07/2023).

Sau giai đoạn trầm lắng, dưới sức ép tăng nóng của giá USD trên thị trường quốc tế (kể từ tháng 7/2023), tỷ giá trung tâm USD/VND cũng tạo cơn sốt, leo thẳng lên đỉnh 24,005 đồng/USD vào ngày 11/09/2023. Đây cũng là lần đầu tiên trong lịch sử, tỷ giá trung tâm vượt mốc 24,000 đồng/USD.

Áp lực đẩy tỷ giá tăng nóng đến từ việc NHNN vẫn duy trì sự khác biệt giữa chính sách tiền tệ của mình đối với các NHTW lớn khác (mức chênh lãi suất USD - VND ở mức khá cao và tạo áp lực rút vốn ra khỏi Việt Nam). Bên cạnh đó, giai đoạn này, VND còn phải chịu áp lực mang tính mùa vụ từ việc chuyển lợi nhuận về nước của các doanh nghiệp FDI



- Lãi suất huy động có xu hướng giảm trong những ngày cuối năm 2023, Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, tính chung cả năm 2023, lãi suất huy động đã giảm bình quân 2,5 - 3% so với đầu năm. So với giai đoạn COVID-19, lãi suất huy động kỳ hạn trên 12 tháng đang thấp hơn khoảng 0,5%, nhưng lại tương đồng ở kỳ hạn 6-9 tháng. Tuy nhiên, trong giai đoạn nền kinh tế đang phục hồi, việc duy trì mặt bằng lãi suất thấp sẽ được ưu tiên.

Đồng thời, việc duy trì lãi suất huy động thấp trong thời gian đủ lâu cũng là điều kiện cần để kéo mật bằng lãi suất cho vay đi xuống. Nguyên nhân dẫn tới mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống vẫn thấp so với các năm trước, chủ yếu xuất phát từ các yếu tố khách quan như tác động của đầu tư, sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng. Một số nhóm khách hàng có nhu cầu nhưng chưa đáp ứng điều kiện vay vốn; tác động từ khả năng hấp thụ vốn của nhóm bất động sản.

- Thanh khoản hệ thống ngân hàng tiếp tục được duy trì trạng thái tốt. Bất chấp mật bằng lãi suất thấp, lượng tiền gửi vào hệ thống ngân hàng của cư và các tổ chức kinh tế đến cuối năm 2023 đạt hơn 13,5 triệu tỷ đồng (+14,2%). Tín dụng toàn nền kinh tế theo thông tin từ ngân hàng nhà nước cho cho thấy tăng khoảng 13.71% so với cuối năm 2022, tương ứng vốn mức tăng thêm 1.63 triệu tỷ đồng trong năm 2023. Đặc biệt, 2023 chứng kiến mức tăng trưởng tín dụng thấp hơn mức tăng trưởng của huy động vốn, vốn đã không xảy ra trong 3 năm qua (kể từ 2020). Thanh khoản thị trường liên ngân hàng cũng duy trì thặng dư lớn gần như hầu hết năm 2023 và giai đoạn đầu năm 2024.

Thị trường tiền tệ

Năm 2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều hành chính sách tiền tệ góp phần ổn định được kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát ổn định. Hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD, giữ ổn định được thị trường tiền tệ, ngoại hối và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã mua ngoại tệ để tăng dự trữ ngoại hối nhà nước.

Với chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã 4 lần điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành, với mức giảm 0,5-2%/năm trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo ở mức cao, tạo điều kiện để giảm mật bằng lãi suất cho vay của thị trường. Đồng thời, chỉ đạo các Tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí và áp dụng đồng bộ các biện pháp giảm mật bằng lãi suất cho vay. Đến nay, lãi suất tiền gửi và cho vay mới của các ngân hàng thương mại đã giảm khoảng hơn 2%/năm so với cuối năm 2022.

Điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp với tình hình trong và ngoài nước, góp phần hấp thụ các cú sốc bên ngoài, giữ ổn định được thị trường ngoại tệ và hạn chế được các biến động lớn trong ngắn hạn của tỷ giá, ổn định giá trị đồng tiền; thanh khoản thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ.

Nhiều giải pháp, chính sách, chương trình tín dụng đã được NHNN triển khai đồng bộ, quyết liệt, tập trung mọi nguồn lực để đảm bảo cung ứng đủ vốn cho nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế khoảng 5% (thấp hơn mục tiêu đề ra nhưng là mức tăng cao trên thế giới), hỗ trợ doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn, phục hồi sản xuất kinh doanh. Với hệ thống các chỉ đạo và giải pháp đồng bộ của NHNN, đến cuối năm 2023, tăng trưởng tín dụng đạt khoảng 13,5%. Nợ xấu được tập trung xử lý và kiểm soát trong bối cảnh nền kinh tế và sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của doanh nghiệp.

Thị trường trái phiếu

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, tính đến ngày công bố thông tin 31/12/2023, có 55 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong tháng 12/2023 với tổng giá trị 42.806 tỷ đồng. Các đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong tháng 12/2023 có lãi suất trung bình 7,1%/năm, kỳ hạn trung bình 6 năm.

Năm 2023, tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp được ghi nhận là 311.240 tỷ đồng, với 29 đợt phát hành ra công chúng, trị giá 37.071 tỷ đồng, chiếm 11,9% tổng giá trị phát hành và 286 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 275.028 tỷ đồng, chiếm 88,1% tổng số phát hành. Ngân hàng là nhóm ngành phát hành nhiều nhất với 176.006 tỷ đồng, tương đương 56,5% tổng giá trị phát hành, theo sau là nhóm Bất động sản với 73.202 tỷ đồng (chiếm 23,5%).

Trong tháng 12/2023, các doanh nghiệp đã mua lại 32.677 tỷ đồng, giảm 50,4% so với cùng kỳ năm 2022. Năm 2024, ước tính sẽ có khoảng 277.065 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn. Hiện số trái phiếu chậm trả lãi đã giảm so với đầu năm, chỉ có 6 mã trái phiếu mới công bố chậm trả lãi/gốc với tổng giá trị 545,7 tỷ đồng trong tháng 12/2023. Trong tháng 12/2023, cũng có 8 mã trái phiếu được gia hạn so với thời gian đáo hạn được kéo dài chủ yếu từ 1 đến 2 năm.

Thị trường chứng khoán

Kết thúc năm 2023, thị trường chứng khoán ghi nhận mức tăng 12,2% của VN-Index lên mốc 1.129,93 điểm. Thanh khoản thị trường tăng mạnh trong nhịp bứt phá của VN-Index giai đoạn tháng 5 đến cuối tháng 9 trước khi sụt giảm vào các tháng cuối năm.

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2023 trải qua nhiều biến động và chịu áp lực lớn từ diễn biến phức tạp của thị trường chứng khoán quốc tế. Nửa đầu năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam giao dịch trầm lắng, thanh khoản sụt giảm mạnh so với năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự suy giảm tăng trưởng của các nền kinh tế lớn, lạm phát dai dẳng cùng chính sách thắt chặt tiền tệ kéo dài của các nền kinh tế lớn và căng thẳng địa chính trị ngày càng phức tạp.

Sang quý 3/2023, chỉ số chứng khoán Việt Nam đã có sự bứt phá mạnh mẽ. Ngày 12/9/2023, chỉ số VN-Index đã đạt mức cao nhất kể từ đầu năm, đóng cửa ở mức 1.245,44 điểm, tăng 24% so với cuối năm 2022. Tuy nhiên, vào cuối tháng 9, thị trường đã chịu áp lực điều chỉnh giảm nhưng đã dần ổn định trong thời gian gần đây.

Tương tự với diễn biến của chỉ số, sau giai đoạn trầm lắng trong những tháng đầu năm, thanh khoản thị trường bước sang quý 3 đã được cải thiện đáng kể với giá trị giao dịch bình quân đạt 24.641 tỷ đồng/phiên, tăng 80% so với mức giao dịch bình quân 6 tháng đầu năm.

Sang đến tháng 10/2023, thanh khoản sụt giảm trở lại cùng với áp lực điều chỉnh của thị trường chứng khoán. Tính chung từ đầu năm đến nay, giá trị giao dịch bình quân đạt 17.492 tỷ đồng/phiên, giảm 13,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

Cùng với đó, quy mô vốn hóa và quy mô niêm yết của thị trường cổ phiếu vẫn tiếp tục tăng so với cuối năm 2022. Tính đến ngày 30/11/2023, mức vốn hóa thị trường đạt 5.754 nghìn tỷ đồng, tăng 10,1% so với cuối năm 2022, tương đương 60,5% GDP.

Quy mô niêm yết, đăng ký giao dịch của thị trường tính đến cuối tháng 11/2023 đạt 2.092 nghìn tỷ đồng, tăng 5,5% so với cuối năm 2022 với 742 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết trên 2 Sở Giao dịch Chứng khoán và 859 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCoM.

Trong năm 2023, thị trường chứng khoán tiếp tục thu hút sự tham gia tích cực của các nhà đầu tư. Theo số liệu của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) thông báo về số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tại ngày cuối năm 2023. Tính đến cuối tháng 12/2023, toàn thị trường ghi nhận tổng cộng 7,25 triệu tài khoản chứng khoán trong nước (có 7,23 triệu tài khoản nhà đầu tư cá nhân, còn lại là tài khoản của tổ chức). Trong khi đó, số lượng tài khoản giao dịch nước ngoài là 45.384 tài khoản.

Trong tháng 12, nhà đầu tư trong nước mở mới gần 40.000 tài khoản giao dịch chứng khoán; nhà đầu tư nước ngoài mở mới gần 200 tài khoản. Thị trường không còn ghi nhận tình trạng tài khoản chứng khoán bị đóng do không phát sinh giao dịch khi công ty chứng khoán thực hiện sàng lọc như các tháng 10 và 11. Tổng kết năm 2023, thị trường chứng khoán ghi nhận thêm 393.000 tài khoản chứng khoán trong nước mở mới.

Trong Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán (TTCK) đến năm 2030 do Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái đã ký, Chính phủ đặt mục tiêu số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trên TTCK đạt 9 triệu tài khoản vào năm 2025 và 11 triệu tài khoản vào năm 2030. Trong đó, Chính phủ yêu cầu tập trung phát triển nhà đầu tư có tổ chức, nhà đầu tư chuyên nghiệp và thu hút sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài. Tăng tỷ trọng trái phiếu Chính phủ do nhà đầu tư là tổ chức phi ngân hàng nắm giữ lên mức 55% vào năm 2025 và 60% vào năm 2030.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTMM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có.

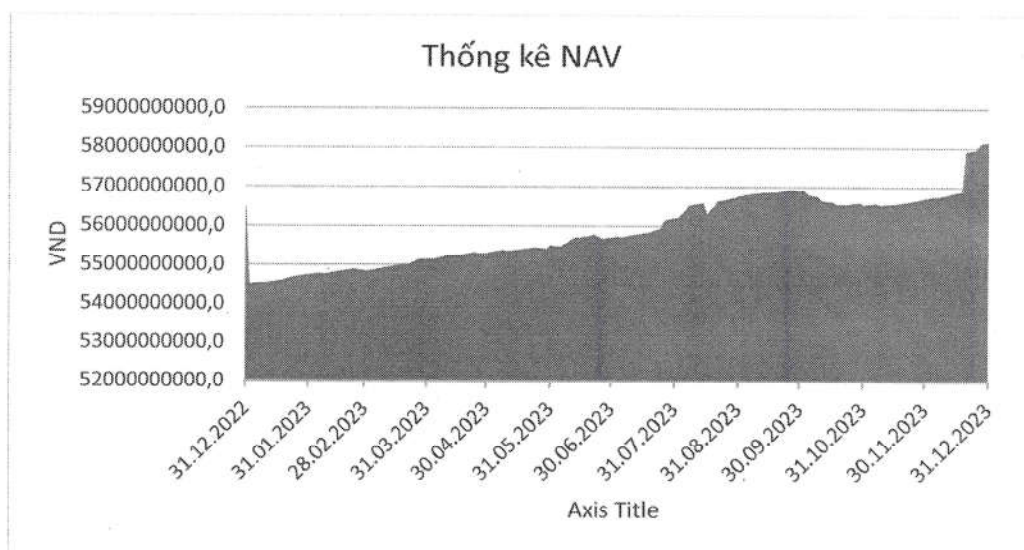
k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có.

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có..

4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

	Năm 2023 (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	6,61%
Tăng trưởng hàng năm (%) /1 đơn vị CCQ	Không áp dụng
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong năm 2023:

**Thay đổi giá trị tài sản ròng**

	Số cuối năm	Số đầu năm	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	58.148.939.199	54.475.699.510	6,74%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	13.415,96	12.583,84	6,61%

4.2 Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo:

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà Đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	115	24.243,16	0,56%
Từ 5.000 đến 10.000	2	13.825,07	0,32%
Từ 10.000 đến 50.000	4	65.352,27	1,51%
Từ 50.000 đến 500.000	1	74.664,03	1,72%
Trên 500.000	1	4.156.224,60	95,89%
Tổng cộng	123	4.334.309,13	100%

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

5. THÔNG TIN KHÁC

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ("VietinBank Capital") tại thời điểm lập báo cáo:

Ông Lê Duy Hải

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Ông Lê Duy Hải hiện giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc VietinBank kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý quỹ VietinBank. Với kinh nghiệm nhiều năm trên thị trường tài chính, ông Lê Duy Hải từng đảm nhiệm các vị trí: Quản lý bán hàng, New World Fashion Group; Phó giám đốc, Công ty TNHH Quốc tế DT; Cán bộ Phòng Đầu tư VietinBank; Thư ký Ban thư ký HĐQT VietinBank; Trưởng phòng KHDN lớn VietinBank; Phó Giám đốc Khối KHDN VietinBank; Phó Giám đốc VietinBank-Chi nhánh Ba Đình; Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp VietinBank; Phó Tổng Giám đốc VietinBank.

Ông Lê Duy Hải tốt nghiệp cử nhân Đại học Kinh tế quốc dân; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Anh.

Ông Khổng Phan Đức

Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc

Ông Khổng Phan Đức hiện giữ chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ VietinBank.

Với kinh nghiệm nhiều năm trên thị trường tài chính, ông Khổng Phan Đức từng đảm nhiệm các vị trí: Kế toán trưởng Công ty Truyền thông FPT, Kế toán trưởng Công ty Công nghệ di động FPT; Quản lý cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ FPT; Trưởng phòng Môi giới Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital; Giám đốc Chi nhánh Hà Nội Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt; Giám đốc khối môi giới Công ty Cổ phần Chứng khoán HBB; Trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT; Phó phòng Thị Trường vốn VietinBank; Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam. Ông Khổng Phan Đức tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Kinh tế đối ngoại Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội. Ông đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ.

Ông Đoàn Ngọc Đoàn

Thành viên Hội đồng thành viên

Ông Đoàn Ngọc Đoàn hiện giữ chức vụ Phó phòng Thị trường vốn VietinBank kiêm Thành viên HĐQT Công ty Quản lý quỹ VietinBank.

Với kinh nghiệm nhiều năm trong ngân hàng Ông Đoàn từng đảm nhiệm các vị trí: Cán bộ tín dụng, Ngân hàng BIDV; Chuyên viên Quan hệ khách hàng, Ngân hàng BIDV; Kiểm soát viên phòng KHDN, Ngân hàng BIDV; Nhân viên kinh doanh, Phòng Quản lý hoạt động kinh doanh, VietinBank; Nhân viên phòng KHDN Vừa và Nhỏ, VietinBank; Nhân viên phòng Thị trường vốn VietinBank; CVCC Trái phiếu DN, phòng Thị trường vốn VietinBank; Phó phòng Thị trường vốn VietinBank.

Ông Đoàn Ngọc Đoàn tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng Đại học Kinh tế quốc dân.

Bà Phan Hải Sâm

Phó Tổng Giám đốc

Bà Phan Hải Sâm hiện giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ VietinBank.

Bà Phan Hải Sâm đã có hơn 27 năm kinh nghiệm làm việc tại VietinBank, đã trải qua nhiều vị trí quan trọng tại VietinBank và các Công ty con như: Phó phòng Thanh toán ngân quỹ, Phó phòng Chế

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

độ kế toán VietinBank; Kế toán trưởng, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam;

Bà Phan Hải Sâm tốt nghiệp cử nhân, thạc sỹ chuyên ngành Tài chính Tín dụng Học viện Ngân hàng. Bà đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ.

Ban Điều hành Quỹ tại thời điểm lập báo cáo:

Bà Phan Hải Sâm Bà Phan Hải Sâm hiện giữ Chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty Quản lý quỹ VietinBank. Bà Sâm có 27 năm kinh nghiệm làm việc trong hệ thống VietinBank, đảm nhiệm các chức vụ như: Phó phòng thanh toán ngân quỹ - TSC VietinBank, Kế toán trưởng Công ty Chứng khoán VietinBank, Phó Tổng giám đốc Công ty Chứng khoán VietinBank.

Phó Tổng Giám đốc

Bà Sâm tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế Học viện Ngân hàng. Bà đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ.

Bà Ngô Thị Lan Hương Bà Ngô Thị Lan Hương hiện là Trưởng phòng Quản lý quỹ Công ty Quản lý Quỹ Vietinbank.

Trưởng phòng Quản lý quỹ

Bà Hương đã có kinh nghiệm hơn 14 năm trong các lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng, Chứng khoán, Quản lý Quỹ tại các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Bà Lan Hương đã từng tham gia làm việc tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Hội sở chính, Ngân hàng Bank of Tokyo Mitsubishi UFJ, Chi nhánh Hà Nội, Standard Chartered Bank, Việt Nam, công ty CP quản lý Quỹ FPT, Công ty CP Chứng khoán Vina, Công ty CP Quản lý Quỹ Trí tuệ Việt Nam, từng đảm nhiệm nhiều vị trí lãnh đạo như Trưởng phòng đầu tư, Giám đốc Quan hệ khách hàng.

Bà Ngô Thị Lan Hương tốt nghiệp Cử nhân tại trường Đại học Ngoại thương Hà Nội. Bà đã đạt được Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp năm 2013, thi đỗ CFA Level 2 và hoàn thành chứng chỉ CMAC về Thu mua và chống thu mua trong lĩnh vực M&A.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Ban Đại diện Quỹ

Ông Đào Kiên Trung

Chủ tịch Ban Đại diện

Ông Trung tốt nghiệp Đại học Luật Hà Nội chuyên ngành Pháp luật quốc tế và Đại học ngoại ngữ Hà Nội chuyên ngành Tiếng Anh.

Năm 2010, ông Trung được UBCKNN cấp chứng chỉ hành nghề QLQ và có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực QLTS

Từ 1999 đến nay, ông Trung đã trải qua nhiều vị trí khác nhau tại nhiều đơn vị khác nhau như C.Melchers GmbH, Corvet (Asia) AG, Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, Công ty Cổ phần FPT, Công ty Quản lý Quỹ FPT, Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.

Hiện nay ông Trung giữ chức vụ Giám đốc tuân thủ Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương và đồng thời phụ trách kiểm soát nội bộ cho Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương.

Ông Nguyễn Việt Hoàng

Thành viên Ban Đại diện

Cử nhân Kế toán Học viện Tài chính: Chuyên ngành kế toán; Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng.

Từ 2006 tới nay, ông Hoàng đã trải qua nhiều vị trí công tác khác nhau trong ngành kế toán kiểm toán. Ông có 6 năm kinh nghiệm làm kiểm toán viên tại công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long, từng làm chuyên viên Phòng Tài chính – Kế hoạch tại Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển năng lượng Vinaconex, Kế toán trưởng tại Công ty CP Thủy điện Bái Thượng. Hiện nay, ông đang làm Phó giám đốc phụ trách Tài chính Kế hoạch tại Công ty CP xây dựng và năng lượng VCP, Trưởng Ban Kiểm toán Công ty CP Thủy điện Bái Thượng và Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thiết bị Sài Gòn (mã chứng khoán: SMA)

Bà Nguyễn Thị Hạnh

Thành viên Ban Đại diện

Bà Hạnh tốt nghiệp cử nhân ngành Luật quốc tế và thạc sỹ Luật kinh tế Trường Đại học Luật Hà Nội. Bà cũng hoàn thành khóa đào tạo hành nghề Luật sư tại Học viện Tư pháp.

Bà Nguyễn Thị Hạnh có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc tại các văn phòng luật sư, phụ trách pháp chế cho các doanh nghiệp. Bà Hạnh đã có thời gian công tác tại VietinBank Capital với vị trí pháp chế, phụ trách hoạt động pháp lý cho Công ty.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

TM. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Phó Tổng Giám đốc



Bà Phan Hải Sâm

Số: 27.1/2024/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Nhà đầu tư
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam (“Quỹ”), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2024, từ trang 19 đến trang 55, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, là Công ty Quản lý Quỹ, chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ sở chính

54/3 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Phòng 903 tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội / Điện thoại: 024 6281.1281
Email: info.hn@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo kiểm toán độc lập (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài
chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2023-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2020-152-1



18/03/2024

BÁO CÁO THU NHẬP
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		4.507.061.576	3.215.569.644
3	1.2. Tiền lãi được nhận	5	4.680.938.504	3.217.141.320
4	1.3. Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	6	(157.442.338)	(4.549.220)
5	1.4. Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	7	(16.434.590)	2.977.544
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ	8	900.000	11.292.583
11	2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư		900.000	11.292.583
15	2.5. Chi phí đầu tư khác		-	-
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	9	929.460.846	770.492.017
20.1	3.1. Phí quản lý Quỹ mở		559.023.227	399.651.980
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		33.849.173	24.522.822
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát		12.298.517	8.889.431
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở		18.447.764	13.334.150
20.5	3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		133.100.000	135.300.000
20.7	3.7. Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		-	-
20.8	3.8. Chi phí kiểm toán		40.000.000	39.057.727
20.10	3.10. Chi phí hoạt động khác		132.742.165	149.735.907
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		3.576.700.730	2.433.785.044
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		3.576.700.730	2.433.785.044
31	6.1. Lợi nhuận đã thực hiện		3.593.135.320	2.430.807.500
32	6.2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(16.434.590)	2.977.544
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		3.576.700.730	2.433.785.044

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập

Người phê duyệt

Người phê duyệt



Bà Lê Thị Thúy
Kế toán

Bà Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng

Bà Phan Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I.	Tài sản			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	10	501.179.585	4.117.149.443
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		501.179.585	317.149.443
112	1.2. Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		-	3.800.000.000
120	2. Các khoản đầu tư thuần	11	55.682.331.133	48.730.195.023
121	2.1. Các khoản đầu tư		55.682.331.133	48.730.195.023
130	3. Các khoản phải thu	12	2.205.346.029	1.867.262.408
133	3.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		2.205.346.029	1.867.262.408
	3.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		2.205.346.029	1.867.262.408
137	3.3. Các khoản phải thu khác		-	-
100	TỔNG TÀI SẢN		58.388.856.747	54.714.606.874
II.	Nợ phải trả			
313	3. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		4.048	20.690
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		6.099	41.411
316	6. Chi phí phải trả	13	40.000.000	27.575.000
318	7. Phải trả cho nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		8.015.000	1.050.000
319	9. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	14	76.225.736	78.220.263
320	10. Phải trả, phải nộp khác		115.666.665	132.000.000
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		239.917.548	238.907.364
400	III. Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ mở		58.148.939.199	54.475.699.510
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư	15	43.343.091.300	43.290.171.600
412	1.1 Vốn góp phát hành		308.178.584.000	306.494.943.900
413	1.2 Vốn góp mua lại		(264.835.492.700)	(263.204.772.300)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		(11.887.565.561)	(11.931.184.820)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	16	26.693.413.460	23.116.712.730
430	IV. Giá trị tài sản ròng quỹ mở trên một đơn vị chứng chỉ quỹ	17	13.415,96	12.583,84
440	V. Lợi nhuận đã phân phối cho nhà đầu tư		-	-

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

B02-QM

VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Chứng chỉ quỹ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
4. Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	19	4.334.309,13	4.329.017,16

Người lập

Bà Lê Thị Thúy
Kế toán

Người phê duyệt

Bà Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người phê duyệt

**Bà Phan Hải Sâm**
Phó Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG,
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ**
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2022
I	Giá trị tài sản ròng đầu năm	54.475.699.510	4.195.318.656
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm	3.576.700.730	2.433.785.044
	<i>Trong đó:</i>		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong năm	3.576.700.730	2.433.785.044
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của Quỹ mở cho nhà đầu tư trong năm	-	-
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ	96.538.959	47.846.595.810
1	Khoản thu từ việc phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu	-	-
2	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	2.230.125.021	50.567.354.267
3	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	(2.133.586.062)	(2.720.758.457)
IV	Giá trị tài sản ròng của quỹ mở cuối năm	58.148.939.199	54.475.699.510

Người lập

Bà Lê Thị Thúy
Kế toán

Người phê duyệt

Bà Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người phê duyệt



Bà Phan Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	LOẠI TÀI SẢN	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày cuối năm (VND)	Tổng giá trị (VND)	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ (%)
I	TRÁI PHIẾU				
1	Trái phiếu niêm yết TN1122016	100.000	99.835,80	9.983.580.479	17,10%
2	Trái phiếu chưa niêm yết VDSH2324004	50	100.000.000	5.000.000.000	8,56%
	Tổng cộng	100.050		14.983.580.479	25,66%
II	CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN KHÁC				
1	Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-
	Tổng cộng	-	-	-	-
III	CÁC TÀI SẢN KHÁC				
1	Phải thu lãi trái phiếu	-	-	272.438.357	0,47%
2	Phải thu lãi tiền gửi	-	-	1.932.907.672	3,31%
3	Phải thu khác	-	-	-	-
	Tổng cộng	-	-	2.205.346.029	3,78%
IV	TIỀN				
1	Tiền gửi không kỳ hạn	-	-	501.179.585	0,86%
2	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	-	-	-	-
3	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	-	2.500.000.000	4,28%
4	Giấy tờ có giá	-	-	38.198.750.654	65,42%
	Tổng cộng	-	-	41.199.930.239	70,56%
V	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			58.388.856.747	100,00%

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập

Bà Lê Thị Thúy
Kế toán

Người phê duyệt

Bà Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Bà Phan Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	1. Lợi nhuận trước Thuế thu nhập doanh nghiệp		3.576.700.730	2.433.785.044
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		28.859.590	(2.977.544)
03	(- Lãi) hoặc (+ lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		16.434.590	(2.977.544)
	(+) Chi phí trích trước		12.425.000	-
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		(7.318.069.137)	(47.316.391.507)
	Giảm/(tăng) các khoản đầu tư		(6.968.570.700)	(45.660.592.473)
06	Giảm phải thu bán chứng khoán đầu tư		-	-
07	Giảm/(tăng) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(338.083.621)	(1.785.708.247)
08	(Giảm)/tăng các khoản phải thu khác		-	1.000
11	(Giảm)/tăng phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ		(16.642)	(59.841.608)
13	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(35.312)	41.411
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		6.965.000	1.050.000
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		(16.333.335)	134.575.000
17	(Giảm)/tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở		(1.994.527)	54.083.410
19	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(3.712.508.817)	(44.885.584.007)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ		2.230.125.021	50.567.354.267
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ		(2.133.586.062)	(2.720.758.457)
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		96.538.959	47.846.595.810

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B05-QM

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
40	III. Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(3.615.969.858)	2.961.011.803
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		4.117.149.443	1.156.137.640
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	10	501.179.585	4.117.149.443
56	1. Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		501.179.585	4.117.149.443
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		501.179.585	317.149.443
58	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		-	3.800.000.000
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm		(3.615.969.858)	2.961.011.803

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập

Bà Lê Thị Thúy
Kế toán

Người phê duyệt

Bà Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng

Người phê duyệt

Bà Phan Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập ngày 06 tháng 9 năm 2017 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ số 32/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 7 tháng 7 năm 2017. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 27/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 06 tháng 9 năm 2017, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Điều lệ hoạt động của Quỹ ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2017 và được sửa đổi, bổ sung ngày 21/03/2022 đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam được quản lý bởi Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 50/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010 và theo Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 105/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 03 tháng 11 năm 2022.

Công ty Quản lý Quỹ có trụ sở chính tại Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát của Quỹ trong năm 2023 và tại ngày lập báo cáo tài chính này là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 66.000.000.000 đồng, tương đương với 6.600.000 Chứng chỉ quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 43.343.091.300 đồng, tương đương với 4.334.309,13 Chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Quỹ hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.

Định giá và giao dịch Chứng chỉ quỹ

Ngày định giá là ngày Công ty Quản lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ. Ngày định giá là ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ và là ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo của kỳ báo cáo đối với việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm theo luật định.

Tần suất giao dịch Chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi hoặc chuyển nhượng Chứng chỉ quỹ một tuần hai lần vào ngày thứ Ba và ngày thứ Năm hàng tuần ("Ngày giao dịch"). Nếu ngày thứ Ba hoặc ngày thứ Năm không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba (hoặc ngày thứ Năm) thì ngày giao dịch sẽ được chuyển sang thứ Năm sau đó (hoặc ngày thứ Ba sau đó). Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ. Việc thay đổi ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Hạn chế đầu tư

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam sẽ tuân theo các hạn chế đầu tư sau đây:

- ▶ Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- ▶ Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và tiền gửi các ngân hàng thương mại, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng (nếu có) của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- ▶ Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản gồm tiền gửi các ngân hàng thương mại; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng; Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ; phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
- ▶ Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
- ▶ Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ VTBF;
- ▶ Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - + Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - + Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - + Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- ▶ Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư nhưng chỉ do các nguyên nhân sau:

- ▶ Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- ▶ Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- ▶ Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- ▶ Quỹ mới được phép cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
- ▶ Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư của Quỹ

- ▶ Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định về hạn chế đầu tư;
- ▶ Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ;
- ▶ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính kèm theo tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

3.2 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Quỹ là Nhật ký chung.

3.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết và không niêm yết, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi có thời hạn gốc trên ba (03) tháng.

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư”, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục “Dự thu trái tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận” trên báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Sổ tay định giá như sau:

- ▶ Tiền là số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá;
- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được xác định là giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá;
- ▶ Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu (có thời gian đáo hạn còn lại dưới ba tháng) và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu được xác định là giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá;
- ▶ Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu (có thời gian đáo hạn còn lại dưới ba tháng), giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác được định giá như sau:

Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán.

Trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo:

- Hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu;
 - Hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
- ▶ Đối với trái phiếu niêm yết được định giá như sau:

Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, hoặc lãi suất chiết khấu (đối với trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương) hoặc giá thị trường của trái phiếu biến động ngoài Giới hạn chênh lệch (*), thì giá trái phiếu là một trong các mức giá sau:

- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
 - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- ▶ Đối với trái phiếu không niêm yết được định giá như sau:
- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc
 - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
 - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- ▶ Đối với Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được định giá như sau:

Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(*) Giới hạn chênh lệch:

- *Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương*: giới hạn chênh lệch được hiểu là lãi suất chiết khấu của kỳ định giá có biến động tăng hoặc giảm từ 0,5% trở lên so với lãi suất của kỳ hạn tương ứng trên đường cong lãi suất VBMA (lãi suất này được xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính) (đối với trái phiếu Chính phủ) và biến động tăng hoặc giảm từ 1% trở lên (đối với trái phiếu Chính phủ được bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương) so với lãi suất chiết khấu của kỳ định giá gần nhất.
- *Trái phiếu doanh nghiệp*: giới hạn chênh lệch được hiểu là biến động tăng hoặc giảm từ 3% trở lên (đối với Trái phiếu doanh nghiệp) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua nếu không có giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất.

4.4 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị thị trường của các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2020 như sau:

Thời gian quá hạn

Mức trích dự phòng

Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.6 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại Chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của nhà đầu tư

Vốn góp của nhà đầu tư bao gồm vốn góp theo mệnh giá và thặng dư vốn. Trong đó, thặng dư vốn thể hiện số tiền chênh lệch giữa số tiền thực nhận/thực trả tính theo giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ và mệnh giá của Chứng chỉ quỹ.

Các Chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị Quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Số lượng Chứng chỉ quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích, Quỹ phát sinh một số chi phí, trong đó tổng phí dịch vụ quản lý quỹ, phí dịch vụ quản trị quỹ, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối đa không quá 2% NAV/năm:

Giá dịch vụ quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ là 1% được tính trên tổng giá trị tài sản ròng/năm và tối đa không quá 2% giá trị tài sản ròng/năm và được trả sau hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư cho Quỹ.

Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản lý = $(x\% \times \text{NAV tại ngày định giá} \times \text{số ngày thực tế trong kỳ}) / 365$

Trong đó:

- x%: 1%
- NAV: Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, giá dịch vụ giám sát và dịch vụ quản trị Quỹ trả cho Ngân hàng giám sát

Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, giá dịch vụ giám sát và dịch vụ quản trị Quỹ trả cho Ngân hàng giám sát là 0,11% (được tính trên Giá trị tài sản ròng/năm và tối thiểu là 35 triệu/tháng với NAV từ 150 tỉ đồng trở lên và được trả cho Ngân hàng giám sát theo thời hạn và phương

thức quy định cụ thể tại Hợp đồng giám sát, Hợp đồng quản trị quỹ để thực hiện các dịch vụ giám sát, lưu ký và dịch vụ quản trị cho quỹ.

Giá dịch vụ giám sát và lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) phải trả được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ giám sát $= (y\% \times \text{NAV tại ngày định giá} \times \text{số ngày thực tế trong kỳ}) / 365$

Trong đó:

- $y\%$: 0,02%
- NAV: Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá dịch vụ lưu ký $= (z\% \times \text{NAV tại ngày định giá} \times \text{số ngày thực tế trong kỳ}) / 365$

Trong đó:

- $z\%$: 0,06%

NAV: Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ $= (z\% \times \text{NAV tại ngày định giá} \times \text{số ngày thực tế trong kỳ}) / 365$

Trong đó:

- $z\%$: 0,03%
- NAV: Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là các loại phí phải trả cho đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm phí cố định hàng tháng là 11.000.000 VND một tháng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối đa bằng 2% giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm thực hiện dịch vụ.

Phí quản lý thường niên phải trả cho UBCKNN

Phí quản lý thường niên bằng 50% mức thu quy định tại Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 25/2022/TT-BTC ngày 28/4/2022.

4.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

b. Giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước.

4.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Trái tức nhận được	1.488.712.401	1.468.210.225
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.711.062	2.072.818
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	564.312.467	77.292.524
Lãi chứng chỉ tiền gửi	2.624.202.574	1.669.565.753
Cộng	4.680.938.504	3.217.141.320

6. (LỖ)/LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Tổng giá trị VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư trong năm 2023 VND
Trái phiếu niêm yết	8.770.000.000	8.934.403.540	(164.403.540)
Chứng chỉ tiền gửi	38.205.711.856	38.198.750.654	6.961.202
Cộng	46.975.711.856	47.133.154.194	(157.442.338)

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTMM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. CHÊNH LỆCH (GIẢM)/TĂNG ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Thay đổi chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 so với tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trái phiếu chưa niêm yết (VDSH2324004)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
Trái phiếu niêm yết (TN1122016)	10.000.015.069	9.983.580.479	(16.434.590)	-	(16.434.590)
Cộng	15.000.015.069	14.983.580.479	(16.434.590)	-	(16.434.590)

8. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí môi giới, xử lý giao dịch mua cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi	100.000	-
Chi phí môi giới giao dịch bán trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi	-	7.382.630
Chi phí lưu ký xử lý hồ sơ mua, bán chứng khoán	800.000	3.909.953
Cộng	900.000	11.292.583

9. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Phí quản lý quỹ mở	559.023.227	399.651.980
Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở (*)	33.849.173	24.522.822
Phí dịch vụ giám sát	12.298.517	8.889.431
Phí dịch vụ quản trị quỹ mở	18.447.764	13.334.150
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	133.100.000	135.300.000
Chi phí kiểm toán	40.000.000	39.057.727
Chi phí hoạt động khác	132.742.165	149.735.907
Trong đó:		
- Phí ngân hàng	9.575.500	10.235.907
- Phí quản lý thường niên của UBCKNN	7.500.000	7.500.000
- Chi phí thù lao Ban Đại diện Quỹ	115.666.665	132.000.000
Cộng	929.460.846	770.492.017

(*): Chi tiết phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Phí dịch vụ lưu ký trả cho Ngân hàng giám sát	33.541.393	24.243.915
Phí dịch vụ lưu ký trả cho Đại lý chuyển nhượng	307.780	278.907
Cộng	33.849.173	24.522.822

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ tại:	501.179.585	317.149.443
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	501.179.585	317.149.443
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng bằng VND	-	3.800.000.000
Cộng	501.179.585	4.117.149.443

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Tầng 6, Tòa nhà TTIM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

B06-QM

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

STT	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
			Tăng VND	Giảm VND	
1	10.000.015.069	9.983.580.479	-	16.434.590	9.983.580.479
2	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
3	40.698.750.654	40.698.750.654	-	-	40.698.750.654
Tổng cộng	55.698.765.723	55.682.331.133	-	16.434.590	55.682.331.133

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

STT	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
			Tăng VND	Giảm VND	
1	18.934.418.609	18.934.418.609	-	-	18.934.418.609
2	-	-	-	-	-
3	29.795.776.414	29.795.776.414	-	-	29.795.776.414
Tổng cộng	48.730.195.023	48.730.195.023	-	-	48.730.195.023

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Tầng 6, Tòa nhà TTIM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

B06-QM

(*) Các chứng chi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022 cụ thể như sau:

<u>31 tháng 12 năm 2023</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Kỳ hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>31 tháng 12 năm 2022</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Kỳ hạn</u>	<u>Lãi suất</u>
Chứng chi tiền gửi M-credit phát hành ngày 30/6/2022	5.998.750.663	24 tháng	7,60%	Chứng chi tiền gửi của Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	800.000.000	18 tháng	8,00%
Chứng chi tiền gửi M-credit phát hành ngày 30/6/2022	3.999.999.991	24 tháng	7,60%	Chứng chi tiền gửi Vietcredit phát hành ngày 21.04.2022	2.500.000.000	12 tháng	7,80%
Chứng chi tiền gửi vietcredit phát hành 11/08/2023	2.200.000.000	12 tháng	10,80%	Chứng chi tiền gửi SHBFC 202201_210422.01	2.500.000.000	18 tháng	7,70%
Chứng chi tiền gửi EVNFC RL KHCN 0823032	2.000.000.000	12 tháng	10,20%	Chứng chi tiền gửi M-credit phát hành ngày 30/6/2022	5.998.750.663	24 tháng	7,60%
Chứng chi tiền gửi SHBFC PH 9/10/2023	8.000.000.000	6 tháng	7,50%	Chứng chi tiền gửi SHBFC 202201_070422.01	6.998.521.658	18 tháng	7,70%
Chứng chi tiền gửi SHBFC PH 23/10/2023	3.000.000.000	6 tháng	7,50%	Chứng chi tiền gửi Vietcredit phát hành ngày 07.04.2022	6.998.504.102	12 tháng	7,80%
Chứng chi tiền gửi VIETCREDIT9 PH 07/07/2023	8.000.000.000	9 tháng	11,00%	Chứng chi tiền gửi M-credit phát hành ngày 30/6/2022	3.999.999.991	24 tháng	7,60%
Chứng chi tiền gửi EVNFC RL KHCL_12.23_008 phát hành ngày 26/12/2023	5.000.000.000	9 tháng	7,00%				
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 73/2023/HĐTG tại ngân hàng TMCP Nam Á - CN/PGD Đồng Xuân	2.500.000.000	6 tháng	5,50%				
	40.698.750.654				29.795.776.414		

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự thu lãi trái phiếu	272.438.357	316.650.082
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.143.836	1.249.315
Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi	1.928.763.836	1.549.363.011
	2.205.346.029	1.867.262.408

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả phí kiểm toán	40.000.000	20.075.000
Phải trả phí quản lý thường niên UBCKNN	-	7.500.000
	40.000.000	27.575.000

14. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả phí quản lý	48.686.807	46.205.202
Phải trả phí lưu ký	8.655.405	11.039.850
Phải trả phí giám sát	3.153.410	3.990.083
Phải trả phí quản trị	4.730.114	5.985.128
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
	76.225.736	78.220.263

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

Vốn góp của Nhà đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2022	Phát sinh trong năm	Tại ngày 31/12/2023
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	30.649.494,39	168.364,01	30.817.858,40
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	306.494.943.900	1.683.640.100	308.178.584.000
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	31.647.096.313	546.484.921	32.193.581.234
Tổng giá trị phát hành				
Chứng chỉ quỹ (4) = (2) + (3)	VND	338.142.040.213	2.230.125.021	340.372.165.234
NAV bình quân (5) = (4)/(1)	VND/CCQ	11.032,55		11.044,64
Vốn góp mua lại				
Số lượng (6)	CCQ	26.320.477,23	163.072,04	26.483.549,27
Giá trị ghi theo mệnh giá (7)	VND	263.204.772.300	1.630.720.400	264.835.492.700
Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư (8)	VND	43.578.281.133	502.865.662	44.081.146.795
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ quỹ (9) = (7) + (8)	VND	306.783.053.433	2.133.586.062	308.916.639.495
NAV bình quân (10) = (9)/(6)	VND/CCQ	11.655,68		11.664,47
Số lượng Chứng chỉ quỹ hiện hành (11) = (1) - (6)	CCQ	4.329.017,16	5.291,97	4.334.309,13
Giá trị vốn góp hiện hành (12) = (4) - (9)	VND	31.358.986.780	96.538.959	31.455.525.739
Lợi nhuận chưa phân phối (13)	VND	23.116.712.730	3.576.700.730	26.693.413.460
Giá trị tài sản ròng hiện hành (14) = (12) + (13)	VND	54.475.699.510		58.148.939.199
Giá trị tài sản ròng hiện hành trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ (15) = (14)/(11)	VND/CCQ	12.583,84		13.415,96

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vốn góp của Nhà đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2021	Phát sinh trong năm	Tại ngày 31/12/2022
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	26.446.466,93	4.203.027,46	30.649.494,39
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	264.464.669.300	42.030.274.600	306.494.943.900
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	23.110.016.646	8.537.079.667	31.647.096.313
Tổng giá trị phát hành	VND	287.574.685.946	50.567.354.267	338.142.040.213
Chứng chỉ Quỹ (4) = (2) + (3)				
NAV bình quân (5) = (4)/(1)	VND/CCQ	10.873,84		11.032,55
Vốn góp mua lại				
Số lượng (6)	CCQ	26.097.264,58	223.212,65	26.320.477,23
Giá trị ghi theo mệnh giá (7)	VND	260.972.645.800	2.232.126.500	263.204.772.300
Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư (8)	VND	43.089.649.176	488.631.957	43.578.281.133
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ Quỹ (9) = (7) + (8)	VND	304.062.294.976	2.720.758.457	306.783.053.433
NAV bình quân (10) = (9)/(6)	VND/CCQ	11.651,12		11.655,68
Số lượng chứng chỉ Quỹ hiện hành (11) = (1) - (6)	CCQ	349.202,35	3.979.814,81	4.329.017,16
Giá trị vốn góp hiện hành (12) = (4) - (9)	VND	(16.487.609.030)	47.846.595.810	31.358.986.780
Lợi nhuận chưa phân phối (13)	VND	20.682.927.686	2.433.785.044	23.116.712.730
Giá trị tài sản ròng hiện hành (14) = (12) + (13)	VND	4.195.318.656		54.475.699.510
Giá trị tài sản ròng hiện hành trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ (15) = (14)/(11)	VND/CCQ	12.014,00		12.583,84

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTMT Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	26.712.825.594	23.116.712.730
Lợi nhuận chưa thực hiện	(19.412.134)	-
Tổng cộng	26.693.413.460	23.116.712.730

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN MỘT ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ

Năm 2023					
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND
1	31/12/2022	54.475.699.510	4.329.017,16	12.583,84	-
2	02/01/2023	54.495.178.797	4.329.017,16	12.588,34	4,50
3	04/01/2023	54.514.656.890	4.329.017,16	12.592,84	4,50
4	09/01/2023	54.520.046.114	4.328.002,17	12.597,04	4,20
5	11/01/2023	54.531.033.457	4.327.328,22	12.601,54	4,50
6	16/01/2023	54.575.453.766	4.327.003,69	12.612,75	11,21
7	18/01/2023	54.590.084.777	4.326.647,55	12.617,17	4,42
8	23/01/2023	54.668.901.854	4.326.687,17	12.635,27	18,10
9	25/01/2023	54.688.140.933	4.326.687,17	12.639,72	4,45
10	30/01/2023	54.735.300.328	4.326.687,17	12.650,62	10,90
11	31/01/2023	54.734.324.928	4.325.906,74	12.652,68	2,06
12	01/02/2023	54.743.181.008	4.325.906,74	12.654,72	2,04
13	06/02/2023	54.777.323.180	4.325.085,74	12.665,02	10,30
14	08/02/2023	54.758.501.519	4.324.601,51	12.662,09	(2,93)
15	13/02/2023	54.805.127.601	4.324.212,04	12.674,01	11,92
16	15/02/2023	54.819.327.646	4.323.705,30	12.678,78	4,77
17	20/02/2023	54.866.270.855	4.323.342,08	12.690,70	11,92
18	22/02/2023	54.887.375.557	4.320.755,25	12.703,19	12,49
19	27/02/2023	54.859.069.527	4.314.450,78	12.715,19	12,00
20	28/02/2023	54.837.931.931	4.313.619,69	12.712,74	(2,45)
21	01/03/2023	54.836.279.008	4.313.619,69	12.712,35	(0,39)
22	06/03/2023	54.883.178.356	4.313.227,52	12.724,38	12,03
23	08/03/2023	54.904.096.045	4.313.245,62	12.729,18	4,80
24	13/03/2023	54.954.450.886	4.313.139,20	12.741,17	11,99
25	15/03/2023	54.964.491.613	4.312.280,24	12.746,03	4,86
26	20/03/2023	55.018.198.202	4.312.319,46	12.758,37	12,34
27	22/03/2023	55.002.062.578	4.309.386,49	12.763,31	4,94
28	27/03/2023	55.134.712.519	4.309.231,40	12.794,55	31,24

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2023					
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND
29	29/03/2023	55.144.737.759	4.308.715,89	12.798,41	3,86
30	31/03/2023	55.145.438.166	4.307.922,04	12.800,93	2,52
31	03/04/2023	55.143.825.418	4.307.922,04	12.800,56	(0,37)
32	05/04/2023	55.156.064.638	4.307.219,88	12.805,49	4,93
33	10/04/2023	55.237.649.524	4.306.238,56	12.827,35	21,86
34	12/04/2023	55.233.775.657	4.304.919,92	12.830,38	3,03
35	17/04/2023	55.240.412.754	4.304.958,89	12.831,80	1,42
36	19/04/2023	55.273.428.741	4.305.790,82	12.836,99	5,19
37	24/04/2023	55.319.965.523	4.304.511,35	12.851,62	14,63
38	26/04/2023	55.296.534.377	4.301.717,72	12.854,52	2,90
39	30/04/2023	55.302.828.550	4.299.865,71	12.861,52	7,00
40	01/05/2023	55.314.195.410	4.299.865,71	12.864,16	2,64
41	03/05/2023	55.336.927.637	4.299.865,71	12.869,45	5,29
42	08/05/2023	55.380.825.558	4.299.865,71	12.879,66	10,21
43	10/05/2023	55.356.227.321	4.296.593,93	12.883,74	4,08
44	15/05/2023	55.384.431.208	4.295.379,68	12.893,95	10,21
45	17/05/2023	55.394.694.808	4.294.815,44	12.898,03	4,08
46	22/05/2023	55.438.534.287	4.294.815,44	12.908,24	10,21
47	24/05/2023	55.445.460.685	4.293.993,54	12.912,32	4,08
48	29/05/2023	55.420.989.548	4.293.321,66	12.908,65	(3,67)
49	31/05/2023	55.495.137.824	4.293.088,11	12.926,62	17,97
50	05/06/2023	55.472.728.015	4.292.652,17	12.922,71	(3,91)
51	07/06/2023	55.540.121.056	4.291.834,29	12.940,88	18,17
52	12/06/2023	55.702.711.168	4.291.911,55	12.978,53	37,65
53	14/06/2023	55.698.301.457	4.289.825,27	12.983,81	5,28
54	19/06/2023	55.744.864.474	4.289.045,60	12.997,03	13,22
55	21/06/2023	55.781.085.882	4.290.088,86	13.002,31	5,28
56	26/06/2023	55.670.771.548	4.290.088,86	12.976,60	(25,71)
57	28/06/2023	55.688.130.297	4.290.081,37	12.980,66	4,06
58	30/06/2023	55.700.345.295	4.289.678,26	12.984,73	4,07
59	03/07/2023	55.726.622.890	4.289.678,26	12.990,86	6,13
60	05/07/2023	55.708.516.617	4.290.431,98	12.984,36	(6,50)
61	10/07/2023	55.767.737.012	4.290.847,30	12.996,90	12,54
62	12/07/2023	55.776.603.683	4.289.764,46	13.002,25	5,35
63	17/07/2023	55.821.973.971	4.288.825,61	13.015,67	13,42
64	19/07/2023	55.839.072.838	4.288.374,98	13.021,03	5,36
65	24/07/2023	55.939.573.571	4.288.143,34	13.045,17	24,14

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2023					
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND
66	26/07/2023	56.141.106.283	4.301.789,03	13.050,64	5,47
67	31/07/2023	56.197.422.414	4.301.710,91	13.063,97	13,33
68	02/08/2023	56.207.289.053	4.300.710,08	13.069,30	5,33
69	07/08/2023	56.525.328.495	4.320.768,65	13.082,23	12,93
70	09/08/2023	56.543.076.745	4.320.589,77	13.086,88	4,65
71	14/08/2023	56.587.746.371	4.320.379,49	13.097,86	10,98
72	16/08/2023	56.302.545.304	4.297.352,05	13.101,68	3,82
73	21/08/2023	56.638.806.570	4.318.902,59	13.114,16	12,48
74	23/08/2023	56.651.744.023	4.318.163,05	13.119,40	5,24
75	28/08/2023	56.706.585.977	4.318.006,93	13.132,58	13,18
76	30/08/2023	56.733.030.857	4.318.297,34	13.137,82	5,24
77	31/08/2023	56.758.247.840	4.318.574,09	13.142,82	5,00
78	04/09/2023	56.803.414.657	4.318.574,09	13.153,28	10,46
79	06/09/2023	56.825.996.896	4.318.574,09	13.158,50	5,22
80	11/09/2023	56.856.903.698	4.316.632,89	13.171,58	13,08
81	13/09/2023	56.860.719.746	4.315.208,30	13.176,81	5,23
82	18/09/2023	56.872.343.816	4.313.413,91	13.184,99	8,18
83	20/09/2023	56.881.431.240	4.312.506,85	13.189,87	4,88
84	25/09/2023	56.931.623.120	4.312.319,76	13.202,08	12,21
85	27/09/2023	56.923.156.232	4.310.084,42	13.206,97	4,89
86	30/09/2023	56.902.725.793	4.306.148,58	13.214,29	7,32
87	02/10/2023	56.923.813.016	4.306.148,58	13.219,19	4,90
88	04/10/2023	56.800.409.820	4.293.885,48	13.228,20	9,01
89	09/10/2023	56.752.124.122	4.286.263,51	13.240,46	12,26
90	11/10/2023	56.636.707.948	4.275.934,39	13.245,45	4,99
91	16/10/2023	56.626.271.613	4.271.136,18	13.257,89	12,44
92	18/10/2023	56.556.511.964	4.264.575,59	13.261,93	4,04
93	23/10/2023	56.556.281.286	4.261.387,70	13.271,79	9,86
94	25/10/2023	56.565.424.944	4.260.738,46	13.275,96	4,17
95	30/10/2023	56.600.320.560	4.260.359,17	13.285,34	9,38
96	31/10/2023	56.534.365.288	4.254.774,69	13.287,27	1,93
97	01/11/2023	56.543.698.375	4.254.774,69	13.289,46	2,19
98	06/11/2023	56.580.017.912	4.253.996,68	13.300,43	10,97
99	08/11/2023	56.537.993.796	4.249.433,63	13.304,83	4,40
100	13/11/2023	56.553.724.243	4.247.108,73	13.315,81	10,98
101	15/11/2023	56.558.480.105	4.246.063,01	13.320,21	4,40
102	20/11/2023	56.610.444.931	4.245.916,50	13.332,91	12,70

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**Năm 2023**

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND
103	22/11/2023	56.618.136.824	4.245.640,96	13.335,59	2,68
104	27/11/2023	56.671.028.213	4.245.527,37	13.348,40	12,81
105	29/11/2023	56.690.089.442	4.245.752,10	13.352,19	3,79
106	30/11/2023	56.706.761.188	4.245.752,10	13.356,11	3,92
107	04/12/2023	56.738.689.334	4.245.752,10	13.363,63	7,52
108	06/12/2023	56.745.317.598	4.245.954,12	13.364,56	0,93
109	11/12/2023	56.796.090.638	4.246.028,94	13.376,28	11,72
110	13/12/2023	56.827.548.124	4.247.045,64	13.380,48	4,20
111	18/12/2023	56.881.576.803	4.247.005,36	13.393,33	12,85
112	20/12/2023	57.913.248.775	4.322.154,70	13.399,16	5,83
113	25/12/2023	57.945.790.307	4.322.415,90	13.405,88	6,72
114	27/12/2023	58.106.565.012	4.334.197,25	13.406,53	0,65
115	31/12/2023	58.148.939.199	4.334.309,13	13.415,96	9,43

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm 55.883.540.014

Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ trong năm

- ▶ Mức cao nhất trong năm (VND) 37,65
- ▶ Mức thấp nhất trong năm (VND) (25,71)

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ trong năm

- ▶ Mức cao nhất trong năm (VND) 13.415,96
- ▶ Mức thấp nhất trong năm (VND) 12.588,34

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2022					
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND
1	31/12/2021	4.195.318.656	349.202,35	12.014,00	-
2	04/01/2022	4.176.282.977	349.202,35	11.959,49	(54,51)
3	11/01/2022	4.191.580.194	349.202,35	12.003,29	43,80
4	18/01/2022	4.083.664.111	341.085,35	11.972,55	(30,74)
5	25/01/2022	4.024.728.652	335.460,35	11.997,62	25,07
6	31/01/2022	4.035.564.136	337.894,09	11.943,28	(54,34)
7	01/02/2022	4.035.412.684	337.894,09	11.942,83	(0,45)
8	08/02/2022	4.040.967.612	337.894,09	11.959,27	16,44
9	15/02/2022	4.002.647.128	333.797,09	11.991,25	31,98
10	22/02/2022	4.007.489.354	333.797,09	12.005,76	14,51
11	28/02/2022	3.999.313.393	332.549,07	12.026,23	20,47
12	01/03/2022	3.991.506.902	332.549,07	12.002,76	(23,47)
13	08/03/2022	3.898.151.422	324.700,18	12.005,38	2,62
14	15/03/2022	3.927.044.552	328.073,46	11.970,01	(35,37)
15	22/03/2022	3.908.655.147	325.964,08	11.991,06	21,05
16	29/03/2022	3.902.414.914	325.780,08	11.978,67	(12,39)
17	31/03/2022	3.778.905.005	315.556,08	11.975,38	(3,29)
18	05/04/2022	3.799.172.720	315.556,08	12.039,61	64,23
19	12/04/2022	38.871.919.682	3.225.128,76	12.052,82	13,21
20	19/04/2022	38.755.790.099	3.227.461,42	12.008,13	(44,69)
21	25/04/2022	53.685.528.786	4.474.768,94	11.997,38	(10,75)
22	27/04/2022	53.766.063.690	4.474.450,69	12.016,23	18,85
23	30/04/2022	53.859.151.121	4.479.559,76	12.023,31	7,08
24	02/05/2022	53.875.285.886	4.479.559,76	12.026,91	3,60
25	04/05/2022	53.962.342.857	4.479.559,76	12.046,34	19,43
26	09/05/2022	53.935.261.157	4.475.406,76	12.051,47	5,13
27	11/05/2022	53.822.522.227	4.468.500,76	12.044,87	(6,60)
28	16/05/2022	53.866.428.036	4.468.789,04	12.053,92	9,05
29	18/05/2022	53.810.206.911	4.462.782,84	12.057,54	3,62
30	23/05/2022	53.552.603.530	4.458.244,84	12.012,03	(45,51)
31	25/05/2022	53.579.568.832	4.456.256,84	12.023,44	11,41
32	30/05/2022	53.622.513.386	4.455.079,84	12.036,26	12,82
33	31/05/2022	53.515.820.122	4.453.738,84	12.015,93	(20,33)
34	01/06/2022	53.504.161.961	4.453.738,84	12.013,31	(2,62)
35	06/06/2022	53.543.309.037	4.452.613,84	12.025,14	11,83
36	08/06/2022	53.425.660.412	4.442.676,84	12.025,55	0,41
37	13/06/2022	53.331.766.390	4.441.609,84	12.007,30	(18,25)

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2022					
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND
38	15/06/2022	53.306.120.377	4.438.214,84	12.010,71	3,41
39	20/06/2022	53.339.146.333	4.437.830,13	12.019,19	8,48
40	22/06/2022	53.703.654.353	4.435.436,13	12.107,86	88,67
41	27/06/2022	53.870.169.372	4.435.436,13	12.145,40	37,54
42	29/06/2022	53.849.401.602	4.429.967,13	12.155,71	10,31
43	30/06/2022	53.768.883.137	4.429.029,13	12.140,10	(15,61)
44	04/07/2022	53.743.851.956	4.429.029,13	12.134,45	(5,65)
45	06/07/2022	53.774.500.648	4.426.943,13	12.147,09	12,64
46	11/07/2022	53.699.693.296	4.425.814,13	12.133,29	(13,80)
47	13/07/2022	53.729.215.997	4.421.474,13	12.151,87	18,58
48	18/07/2022	53.668.802.005	4.419.572,13	12.143,43	(8,44)
49	20/07/2022	53.653.167.758	4.417.506,87	12.145,57	2,14
50	25/07/2022	53.683.196.609	4.415.243,87	12.158,60	13,03
51	27/07/2022	53.812.714.881	4.413.402,87	12.193,02	34,42
52	31/07/2022	53.664.378.314	4.411.642,87	12.164,26	(28,76)
53	01/08/2022	53.682.873.391	4.411.642,87	12.168,45	4,19
54	03/08/2022	53.814.229.842	4.408.731,87	12.206,28	37,83
55	08/08/2022	53.877.536.629	4.408.302,87	12.221,83	15,55
56	10/08/2022	53.894.364.925	4.407.696,87	12.227,33	5,50
57	15/08/2022	53.930.284.987	4.407.428,87	12.236,22	8,89
58	17/08/2022	53.880.407.167	4.406.594,49	12.227,22	(9,00)
59	22/08/2022	53.929.530.934	4.403.814,49	12.246,09	18,87
60	24/08/2022	53.960.704.715	4.401.730,49	12.258,97	12,88
61	29/08/2022	54.031.139.324	4.401.092,49	12.276,75	17,78
62	31/08/2022	53.886.097.742	4.399.531,49	12.248,14	(28,61)
63	05/09/2022	54.031.148.843	4.399.531,49	12.281,11	32,97
64	07/09/2022	53.998.141.457	4.396.183,49	12.282,95	1,84
65	12/09/2022	54.107.584.469	4.394.779,49	12.311,78	28,83
66	14/09/2022	54.120.682.664	4.391.471,49	12.324,04	12,26
67	19/09/2022	54.113.336.816	4.390.397,49	12.325,38	1,34
68	21/09/2022	54.208.560.898	4.388.810,04	12.351,53	26,15
69	26/09/2022	54.192.933.653	4.386.995,20	12.353,08	1,55
70	28/09/2022	54.230.272.671	4.389.969,71	12.353,22	0,14
71	30/09/2022	54.271.304.875	4.389.914,35	12.362,72	9,50
72	03/10/2022	54.314.756.910	4.389.914,35	12.372,62	9,90
73	05/10/2022	54.231.111.453	4.389.954,76	12.353,45	(19,17)
74	10/10/2022	54.249.651.932	4.389.333,66	12.359,42	5,97

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**Năm 2022**

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND
75	12/10/2022	54.213.084.499	4.381.533,55	12.373,08	13,66
76	17/10/2022	54.174.737.692	4.379.835,55	12.369,12	(3,96)
77	19/10/2022	54.282.660.487	4.373.564,80	12.411,53	42,41
78	24/10/2022	54.249.117.781	4.372.939,36	12.405,64	(5,89)
79	26/10/2022	54.237.827.918	4.370.450,50	12.410,12	4,48
80	31/10/2022	54.272.780.914	4.367.852,55	12.425,50	15,38
81	02/11/2022	54.207.945.440	4.359.875,55	12.433,36	7,86
82	07/11/2022	54.162.766.632	4.359.139,01	12.425,10	(8,26)
83	09/11/2022	54.145.850.082	4.354.069,52	12.435,68	10,58
84	14/11/2022	54.282.616.555	4.350.253,52	12.478,03	42,35
85	16/11/2022	54.272.372.264	4.347.820,35	12.482,66	4,63
86	21/11/2022	54.277.783.741	4.344.226,69	12.494,23	11,57
87	23/11/2022	54.245.199.084	4.340.009,15	12.498,86	4,63
88	28/11/2022	54.280.336.356	4.338.809,65	12.510,42	11,56
89	30/11/2022	54.287.085.584	4.337.748,02	12.515,03	4,61
90	05/12/2022	54.330.081.067	4.337.163,97	12.526,63	11,60
91	07/12/2022	54.322.970.731	4.334.989,96	12.531,27	4,64
92	12/12/2022	54.352.290.088	4.333.315,58	12.542,88	11,61
93	14/12/2022	54.348.027.379	4.331.371,54	12.547,53	4,65
94	19/12/2022	54.398.756.985	4.331.408,59	12.559,13	11,60
95	21/12/2022	54.423.014.020	4.331.743,06	12.563,76	4,63
96	26/12/2022	54.466.100.980	4.331.181,32	12.575,34	11,58
97	28/12/2022	54.465.427.507	4.329.533,08	12.579,97	4,63
98	31/12/2022	54.475.699.510	4.329.017,16	12.583,84	3,88

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm 44.486.559.285

Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ trong năm

- ▶ Mức cao nhất trong năm (VND) 88,67
- ▶ Mức thấp nhất trong năm (VND) (54,51)

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ trong năm

- ▶ Mức cao nhất trong năm (VND) 12.583,84
- ▶ Mức thấp nhất trong năm (VND) 11.942,83

19. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 4.334.309,13 Chứng chỉ quỹ.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC**

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

Các giao dịch phát sinh trong năm 2023 như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2023 VND
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý	559.023.227
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng Giám sát	Lãi tiền gửi ngân hàng Phí giám sát Phí lưu ký Phí dịch vụ quản trị Quỹ	25.324.930 12.298.517 33.849.173 18.447.764
Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại diện Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	115.666.665

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó, Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Tầng 6, Tòa nhà TTIM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

B06-QM

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Số đầu năm VND	Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	Số cuối năm VND
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý phải trả	46.205.202	559.023.227	(556.541.622)	48.686.807
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán Tiền gửi của nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ Phí lưu ký phải trả Phí giám sát phải trả Phí dịch vụ quản trị Quỹ phải trả	316.098.871 1.050.572 11.039.850 3.990.083 5.985.128	76.263.706.385 2.237.181.222 33.849.173 12.298.517 18.447.764	(76.086.640.671) (2.230.216.794) (36.233.618) (13.135.190) (19.702.778)	493.164.585 8.015.000 8.655.405 3.153.410 4.730.114
Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại diện Quỹ	Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	132.000.000	115.666.665	(132.000.000)	115.666.665

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro, Ban Đại diện Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ do Quỹ không nắm giữ các chứng khoán nợ nào.

Độ nhạy đối với lãi suất

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ trong năm 2023, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá trái phiếu

Các trái phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư, Quỹ quản lý giá rủi ro về giá trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, Ban Đại diện Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm trái phiếu và tiền gửi ngân hàng.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và các loại trái phiếu Quỹ nắm giữ đều được Chính phủ bảo lãnh hoặc là trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	Không kỳ hạn VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 đến 12 tháng VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	-	4.048	-	-	-	4.048
Phải trả Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	6.099	-	-	-	6.099
Chi phí phải trả	-	40.000.000	-	-	-	40.000.000
Phải trả cho nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	-	8.015.000	-	-	-	8.015.000
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	-	76.225.736	-	-	-	76.225.736
Phải trả, phải nộp khác	-	115.666.665	-	-	-	115.666.665
	-	239.917.548	-	-	-	239.917.548
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022						
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	-	20.690	-	-	-	20.690
Phải trả Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	41.411	-	-	-	41.411
Chi phí phải trả	-	27.575.000	-	-	-	27.575.000
Phải trả cho nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	-	1.050.000	-	-	-	1.050.000
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	-	78.220.263	-	-	-	78.220.263
Phải trả, phải nộp khác	-	132.000.000	-	-	-	132.000.000
	-	238.907.364	-	-	-	238.907.364

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp, Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

22. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động		
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	1,00%	0,89%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,08%	0,07%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,27%	0,35%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,07%	0,09%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,24%	0,34%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động x 365 x 100%/Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm báo cáo x Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)	1,66%	1,74%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong năm (%) = (Tổng giá trị mua vào trong năm + Tổng giá trị bán ra trong năm) x 365 x 100%/2 x Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm báo cáo x Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)	35,48%	157,52%
II	Các chỉ tiêu khác		
1	Quy mô quỹ đầu năm Tổng giá trị Chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu năm Tổng số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu năm	43.290.171.600 4.329.017,16	3.492.023.500 349.202,35
2	Thay đổi quy mô quỹ trong năm Số lượng Chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong năm Giá trị vốn thực huy động thêm trong năm (theo mệnh giá) Số lượng Chứng chỉ quỹ mua lại trong năm Giá trị vốn thực phải thanh toán trong năm khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	168.364 1.683.640.100 163.072,04 1.630.720.400	4.203.027 42.030.274.600 223.212,65 2.232.126.500
3	Quy mô quỹ cuối năm Tổng giá trị Chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm Tổng số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm	43.343.091.300 4.334.309,13	43.290.171.600 4.329.017,16
4	Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối năm	96,40%	96,01%
5	Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối năm	99,56%	99,90%
6	Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối năm	0,51%	-
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối năm, kể cả giao dịch ký danh	123	49
8	Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ cuối năm	13.415,96	12.583,84

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quý.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập

Bà Lê Thị Thúy
Kế toán

Người phê duyệt

Bà Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Bà Phan Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc

THÀNH